

Điện Biên Phủ, ngày 18 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp thứ nhất Hội đồng trường năm học 2025-2026

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG MẦM NON 7/5

Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Điều lệ trường Mầm non, ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về Nghị quyết quy định Danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2025, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 4445/UBND-KGVX ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Công văn số 2188/SGDĐT-KHTC, ngày 13/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên;

Công văn số 2642/SGDĐT-KHTC, ngày 03/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2025 – 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 2615/KH-SGDĐT ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ GDMN năm học 2025-2026;

Công văn số 679/UBND - VHXXH, ngày 15/9/2025 của Ủy ban nhân dân phường Điện Biên Phủ, về việc thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2025 – 2026;

Căn cứ Văn bản số 663/UBND-VHXXH, ngày 12 tháng 9 năm 2025 của UBND phường Điện Biên Phủ về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025 – 2026 trên địa bàn phường Điện Biên Phủ.

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-PGDĐT ngày 20/04/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ về việc giao chỉ tiêu và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 05/KH-VHXXH ngày 15/9/2025 của phòng Văn hóa-Xã hội về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng trường Trường mầm non 7/5 nhiệm kì 2020 – 2025;

Căn cứ biên bản phiên họp thứ nhất Hội đồng trường Mầm non 7/5 năm học 2025 - 2026 diễn ra ngày 17 tháng 9 năm 2025.

Hội đồng trường Mầm non 7/5 thông qua các chỉ tiêu nhiệm vụ theo các chương trình, Kế hoạch, Quy chế và thống nhất:

QUYẾT NGHỊ:

Điều I. Nhất trí thông qua các chỉ tiêu nhiệm vụ năm học

1. Về công tác tư tưởng chính trị:

- 100% cán bộ - viên chức chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy chế của ngành, của nhà trường. Quy ước nơi cư trú. Nêu cao ý thức xây dựng, giữ gìn tình đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau trong công tác, cộng đồng trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao năm học 2025 – 2026 với Chủ đề năm học: “*Kỷ cương, Sáng tạo, Đột phá, phát triển*”

- 100% cán bộ - viên chức tiếp tục tham gia và hưởng ứng nhiệt tình các phong trào thi đua của các cấp phát động. Tích cực thực hiện các cuộc vận động đặc biệt là tiếp tục đẩy mạnh việc học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo các chuyên đề năm;

- 100% cán bộ - viên chức phấn đấu đạt các danh hiệu thi đua.

- 100% cán bộ - viên chức tiếp tục tham gia đóng góp xây dựng quy chế công khai dân chủ và quy chế chỉ tiêu nội bộ; Chương trình giáo dục nhà trường (quy chế, kế hoạch chi tiết kèm theo)

- 100% cán bộ - viên chức tiếp tục thực hiện nghiêm túc, đúng tác phong. Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, thi BKBN, hoạt động giao lưu thực hành trải nghiệm. Nêu cao ý thức trách nhiệm trong việc phối hợp thực hiện tốt công tác quản lý, giáo dục, chăm sóc học sinh.

2. Công tác chuyên môn và công tác thi đua

2.1. Công tác thi đua:

Tập thể LĐTT; Tập thể lao động xuất sắc;

Huân chương lao động hạng ba;

Lao động tiên tiến: 40/40

Chiến sỹ thi đua: 10/40 Đ/c đạt 25%;

UBND phường tặng giấy khen: 08/40 đạt 20%;

2.2. Chỉ tiêu huy động trẻ ra lớp (số trẻ, số nhóm lớp, số lớp)

Số trẻ trong độ tuổi trên địa bàn trường quản lý: 462;

Tỷ lệ huy động trẻ trên địa bàn quản lý: 389, Tỷ lệ huy động ra lớp: 84,2%;

Tỷ lệ huy động trẻ 03 – 36 tháng trên địa bàn 94/167 trẻ 56,38%;

Huy động trẻ 3 - 5 tuổi địa bàn ra lớp 295/295 trẻ đạt 100%;

Huy động trẻ 5 tuổi địa bàn ra lớp 119/119 trẻ đạt 100%.

Kế hoạch giao: 380; nhà trẻ 45; MG 335; 16 nhóm lớp; Phần đầu đạt và vượt kế hoạch giao;

2.3. Chất lượng đội ngũ

*** Xếp loại chuyên môn**

Duy trì số lượng giáo viên dạy giỏi các cấp: 33/33 = 100%;

*** Triển khai thực hiện chuyên môn, chuyên đề:**

Tiếp tục triển khai thực hiện chất lượng Chương trình GDMN và phát triển Chương trình nhà trường. Tiếp tục triển khai các giải pháp, phát huy tính chủ động, phát triển chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của nhà trường và của địa phương nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện trẻ em theo Chương trình GDMN, khuyến khích tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, học thông qua chơi, phương pháp giáo dục tiên tiến... Năm học 2025 - 2026, đẩy mạnh tích hợp/lồng ghép “giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em” bảo đảm điều kiện, môi trường giáo dục, thời gian tổ chức các hoạt động cho trẻ ở ngoài trời và trong lớp theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.

Lồng ghép, tích hợp, phát triển các nội dung giáo dục trong thực hiện Chương trình GDMN: Giáo dục quyền con người, quyền trẻ em, giáo dục giới; giáo dục an toàn giao thông theo định hướng của chương trình “Tôi yêu Việt Nam”; giáo dục tình cảm kỹ năng xã hội; kỹ năng bảo vệ bản thân; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu... Thực hiện hợp tác, áp dụng mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại phù hợp với điều kiện địa phương đặc biệt là ứng dụng STEAM trong thực hiện chương trình giáo dục trẻ ở trường.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN và phát triển Chương trình giáo dục trong cơ sở GDMN. Chủ động phát triển Chương trình giáo dục phù hợp với điều kiện của nhà trường, địa phương, khả

năng, nhu cầu, hứng thú của trẻ em “lấy trẻ làm trung tâm” và nhấn mạnh yếu tố đặc trưng văn hoá địa phương.

Lồng ghép, tích hợp, phát triển các nội dung giáo dục trong thực hiện Chương trình GDMN: Giáo dục quyền con người, quyền trẻ em, giáo dục giới; giáo dục an toàn giao thông theo định hướng của chương trình “Tôi yêu Việt Nam”; giáo dục tình cảm kỹ năng xã hội; kỹ năng bảo vệ bản thân; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu... Thực hiện hợp tác, áp dụng mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại phù hợp với điều kiện địa phương đặc biệt là ứng dụng STEAM trong thực hiện chương trình giáo dục trẻ ở trường.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả hoạt động tăng cường tiếng Việt cho trẻ em; triển khai nhân rộng mô hình tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS, tăng cường nghe, nói tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số; nâng chất lượng tăng cường chuẩn bị tốt tiếng Việt cho trẻ em mẫu giáo trước khi vào lớp một. Nâng cao chất lượng hoạt động quản lý, giáo dục trẻ tại phòng thư viện của trường. Bảo đảm chất lượng giáo dục hoà nhập trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn: Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hòa nhập theo quy định; xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ em; tăng cường phát hiện sớm, can thiệp sớm; phối hợp thực hiện đúng việc cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật nhằm đảm bảo quyền lợi của trẻ em, giáo viên, cơ sở giáo dục có trẻ em khuyết tật học hòa nhập;

Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cha mẹ trẻ và cộng đồng về giáo dục hòa nhập đối với trẻ em và trẻ khuyết tật để đảm bảo cơ hội trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tại cơ sở GDMN; Tiếp tục thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với trẻ em và giáo viên trực tiếp dạy trẻ người DTTS và chính sách đối với cơ sở GDMN đang có trẻ khuyết tật học hòa nhập theo quy định.

Chuẩn bị toàn diện cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình lớp một: Phối hợp với gia đình, cộng đồng phổ biến, tuyên truyền việc trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo Chương trình GDMN bảo đảm điều kiện vào học lớp một; tăng cường giải pháp thực hiện hiệu quả hoạt động chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một; tuyệt đối không tổ chức dạy trước chương trình lớp một cho trẻ em 5 tuổi dưới mọi hình thức.

Triển khai có hiệu quả cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh ở nơi có đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo và các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT. Đẩy mạnh

tạo môi trường thực hành giao tiếp ngôn ngữ tiếng Anh thông qua bài hát, nghe kể truyện, đọc thơ, hoạt động thực hành, trải nghiệm. Thực hiện đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động làm quen tiếng Anh của trẻ mẫu giáo theo quy định của Bộ GDĐT.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị, tổ chức hoạt động chuyên môn của cơ sở GDMN; phát triển kho học liệu số dùng chung nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN. Thực hiện các nhiệm vụ đáp ứng chuyển đổi số, nâng cao năng lực sử dụng phần mềm trí tuệ nhân tạo AI trong giảng dạy;

Tăng cường chất lượng, hiệu quả các hoạt động phối hợp, hỗ trợ của cha mẹ/người chăm sóc trẻ và nhân dân trên địa bàn để nâng cao chất lượng thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

Phát triển học liệu số phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; nâng cao chất lượng các kho học liệu số gồm bài giảng, phần mềm mô phỏng, trò chơi, học liệu mở để chia sẻ dùng chung toàn trường; lựa chọn các sản phẩm có chất lượng về các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ để chia sẻ dùng chung qua các nền tảng Zoom, Zalo nhóm, các nền tảng số.

2.4. Xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp, đánh giá, xếp loại công chức, viên chức

* *Đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;*

Tốt: $3/3 = 100\%$; nữ $3/3$ đạt 100% ;

* *Đánh giá xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên:*

Tốt: $31/33 = 94\%$; nữ đạt 100%

Khá: $02/33 = 6\%$; nữ đạt 100%

* *Đánh giá xếp loại viên chức theo Nghị định 90/2020, 48/2023/NĐ-CP*

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: $09/40 = 22,5\%$; nữ đạt 100%

Hoàn thành tốt nhiệm vụ: $31/40 = 77,5\%$; nữ đạt $96,7\%$

2.5. Chất lượng chăm sóc, giáo dục

100% trẻ được cân đo và theo dõi biểu đồ tăng trưởng.

100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm học;

100% trẻ được rửa tay bằng xà phòng, nước ấm về mùa đông;

100% trẻ được uống nước lọc tinh khiết, súc miệng nước muối sau khi ăn;

100% trẻ được chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn;

Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng so với đầu năm học;

+ Trẻ phát triển bình thường: đạt $97,5\%$;

+ Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dưới $2,1\%$;

+ Trẻ thấp còi dưới $2,5\%$;

+ Trẻ thừa cân, béo phì: chiếm $1,0\%$;

+ BMI: Bình thường: 98,2%; SDDTGCMĐ nhẹ cân: 0; Thừa cân nguy cơ chiếm 1,7%;

+ Bé chăm: 96,8%;

+ Bé ngoan: 100%;

+ Bé sạch: 100%;

+ Bé khỏe - bé ngoan: đạt: 84%;

+ Trẻ tham gia các hội thi các cấp theo yêu cầu;

+ Thực hiện chương trình làm quen tiếng Anh trẻ mẫu giáo;

+ 100% số trẻ được đánh giá theo đúng quy định của chương trình giáo dục; 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình.

- Chất lượng trẻ đạt mục tiêu phát triển của từng độ tuổi: 98,8%

2.6. Xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học

Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa nhỏ: Hỗ trợ thay thế một số tranh pano, appic tuyên truyền (Đã cũ, rách); in mới phong khai giảng. Sơn tường rêu mốc ngoài lớp học; sửa chữa nhỏ cửa phòng học; thiết bị điện, nước.

Mua bổ sung cây cảnh, nâng cấp bồn hoa tạo cảnh quan môi trường thân thiện, an toàn.

100% số nhóm lớp có đủ đồ dùng dạy học tối thiểu

100% nhóm lớp có đồ dùng, học liệu đảm bảo an toàn, thân thiện

Tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục nhà trường;

Cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm, ủng hộ trong các hoạt động của nhà trường; 100% các bậc phụ huynh tạo điều kiện và phối hợp với nhà trường trong các hoạt động giáo dục trẻ. Huy động nguồn kinh phí đạt 100.000.000đ

2.7. Tổng nhất thông qua phân công nhiệm vụ CBQL, GV, NV

a). Viên chức quản lý

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Phân công nhiệm vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Phúc	03/02/1971	Đại học	GDMN	Phụ trách chung; tổ chức, Bàn trú, dạy 2 giờ/ tuần	
2	Nguyễn Thị Huyền	26/10/1969	Đại học	GDMN	Chuyên môn; KTNB; TKPCập; LĐ, CSVC; dạy 4 giờ/tuần	
3	Nguyễn Thị Lý	21/05/1976	Đại học	GDMN	Chuyên môn, CD; BDTX, phong trào; CNTT ; dạy 4 giờ/tuần	

b). Giáo viên

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Phân công nhiệm vụ	Ghi chú
1	Lê Thị Thơ	01/05/1976	Đại học	GDMN	GV lớp 56 D2	Tổ trưởng
2	Lê Thị Thanh Huyền	05/04/1984	Đại học	GDMN	GV lớp 56 D2	
3	Nguyễn Thị Vân Anh	01/10/1980	Đại học	GDMN	GV lớp 56 D1	Chủ nhiệm
4	Nguyễn Thị Lôi	03/06/1988	Đại học	GDMN	GV lớp 56 D1	
5	Trịnh Thị Thúy (81)	24/08/1981	Đại học	GDMN	GV lớp 56 D3	Chủ nhiệm

6	Trịnh Thị Tuyết	11/02/1972	Đại học	GDMN	GV lớp 56 D3	Tổ phó
7	Lê Mỹ Hằng	20/12/1985	Đại học	GDMN	GV lớp MG45C1	Chủ nhiệm
8	Đỗ Thị Bích Hương	11/02/1971	Đại học	GDMN	GV lớp MG45C1	
9	Phạm Thị Nhài	15/09/1984	Đại học	GDMN	GV lớp MG45C2	Chủ nhiệm
10	Trịnh Thị Như Quỳnh	20/08/1984	Đại học	GDMN	GV lớp MG45C2	
11	Phạm Thị Kiều	13/08/1983	Đại học	GDMN	GV lớp MG45C3	Chủ nhiệm
12	Nguyễn Thị Bích	05/02/1984	Đại học	GDMN	GV lớp MG45C3	
13	Khúc Thị Hương	12/02/1979	Đại học	GDMN	GV lớp 56 D4	Chủ nhiệm
14	Nguyễn Thị Thanh Yên	12/07/1985	Đại học	GDMN	GV lớp 56 D4	
15	Nguyễn Thị Hoài	03/10/1980	Đại học	GDMN	GV lớp MG34B1	Tổ trưởng
16	Nguyễn Thị Huyền	01/07/1985	Đại học	GDMN	GV lớp MG34B1	
17	Nguyễn Thị Tâm	18/08/1974	Đại học	GDMN	GV lớp MG34B2	Chủ nhiệm
18	Nguyễn Thị Hương	15/10/1984	Đại học	GDMN	GV lớp MG34B2	
19	Ngô Thị Mai	18/09/1983	Đại học	GDMN	GV lớp MG34B3	Tổ phó
20	Nguyễn Thị Thu Hương	02/02/1984	Đại học	GDMN	GV lớp MG34B3	
21	Đỗ Thị Thu Hiền	25/07/1974	Đại học	GDMN	GV nhóm 24-36 A1	Chủ nhiệm
22	Trịnh Thị Thúy (85)	20/01/1985	Đại học	GDMN	GV nhóm 24-36 A1	
23	Đàm Thị Hạnh	04/11/1996	Đại học	GDMN	GV nhóm 24-36 A1	
24	Lê Thị Thanh Loan	23/07/1987	Đại học	GDMN	GV nhóm 24-36 A2	Chủ nhiệm
25	Lương Thị Hà Quỳnh	17/04/1984	Đại học	GDMN	GV nhóm 24-36 A2	
26	Lê Thị Thúy	22/12/1983	Đại học	GDMN	GV lớp 56 D5	Tổ trưởng
27	Phạm Thị Bình	01/07/1984	Đại học	GDMN	GV lớp 56 D5	
28	Hà Lan Anh	20/10/1981	Đại học	GDMN	GV lớp MG45C4	Tổ phó
29	Trần Thị Quý	19/10/1983	Đại học	GDMN	GV lớp MG45C4	
30	Nguyễn Hồng Tuyền	20/09/1988	Đại học	GDMN	GV lớp MG34B3	Chủ nhiệm
31	Nguyễn Thị Thủy	13/06/1973	Cao đẳng	GDMN	GV lớp MG34B3	
32	Nguyễn Hằng Thủy	26/06/1984	Đại học	GDMN	GV nhóm 24-36 A3	Chủ nhiệm
33	Phạm Thị Hải Yến	10/08/1988	Đại học	GDMN	GV nhóm 24-36 A3	

c). Nhân viên

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Công việc hiện nay
1	Chèo Y Mây	28/11/1971	Trung cấp	Y đa khoa	Nhân viên Y tế
2	Lương Thu Hằng	16/8/1988	Đại học	TCKT	Nhân viên Kế toán
3	Trần Mạnh Hương	10/06/1968	BD	ANTT	Nhân viên Bảo vệ
4	Đàm Xuân Dũng	07/02/1995	ĐH	ĐD	Nhân viên Bảo vệ
5	Lương Thị Là	08/10/1961	BD	CCN	Nhân viên nấu ăn
5	Mai Hải Yến	27/5/1981	BD	CCN	Nhân viên nấu ăn
6	Cà Thị Tâm	19/12/1992	BD	CCN	Nhân viên nấu ăn
7	Lò Thị Mai	13/12/1994	BD	CCN	Nhân viên nấu ăn

2.8. Chỉ tiêu các công tác khác

Duy trì 100% gia đình văn hóa; trường học văn hóa.

100% CBGV, NV thực hiện nghiêm túc quy định

Tuyên truyền các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; chủ trương của Bộ Giáo dục về đổi mới và phát triển giáo dục Mầm non trên phương tiện thông tin đại chúng; Thực hiện các hoạt động hưởng ứng chào mừng các ngày lễ lớn; các nội dung đặc thù của cấp học, đảm bảo xuyên suốt trong năm học phù hợp điều kiện thực tế, thời gian.

100% CBQL thực hiện tốt công tác quản trị nhà trường;

100% giáo viên giảng dạy theo đúng trình độ đào tạo, năng lực sở trường;

100% CBGV, NV được hưởng chính sách; 100% học sinh trong diện được thụ hưởng chế độ chính sách theo đúng quy định hiện hành;

100% VCQL trong diện kê khai tài sản thu nhập cá nhân phải kê khai theo đúng quy định.

1 lần/năm học thực hiện quy hoạch bổ sung các chức danh theo quy định.

Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch;

Tham gia các loại quỹ ngành và nhà trường phát động, thăm hỏi ốm đau, hoạn nạn kịp thời.

Thực hiện nghiêm túc công tác tài chính; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho CBGV, NV và học sinh; công khai minh bạch tài chính.

3. Nhất trí thông qua các Quy chế (sửa đổi, bổ sung) và hoạt động của nhà trường, Chương trình giáo dục nhà trường; kế hoạch kiểm tra nội bộ, kế hoạch vận động tài trợ và các khoản thu dịch vụ bán trú.

3.1. Quy chế hoạt động, Quy chế dân chủ, Quy chế quản lý bán trú, Quy tắc ứng xử, Quy chế quản lý, sử dụng TSC (bổ sung, sửa đổi): Quy chế kèm theo

3.2. Chương trình giáo dục nhà trường; Kế hoạch kiểm tra nội bộ: (Chương trình, Kế hoạch kèm theo)

3.3. Các khoản thu dịch vụ bán trú và Kế hoạch vận động tài trợ

(1) Dịch vụ ăn bán trú

a). Tiền ăn: 28.000đ /ngày/học sinh

Cân đối ăn hàng ngày theo khẩu phần ăn cho học sinh (Cả ngày: Nhà trẻ 2 bữa chính, 2 bữa phụ; Mẫu giáo 1 bữa chính, 2 bữa phụ)

b). Tiền lương nhân viên nấu ăn, phục vụ: 9.000đ/ngày/học sinh

Chi lương nhân viên nấu ăn (do nhà trường hợp đồng mà không hưởng lương từ ngân sách nhà nước).

Chi trả công phục vụ trẻ ăn sáng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

c). Đồ dùng, vật tư phục vụ cho công tác bán trú: 2.000 đ/ngày/học sinh

Mua bổ sung đồ dùng dụng cụ và 1 số trang thiết bị phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của trẻ ăn bán trú tại trường. Trả tiền điện, nước cho hoạt động nấu ăn.

d). Dịch vụ trông trưa: 5.000đ/ngày/học sinh

Chi trả công trông trưa cho cán bộ giáo viên, nhân viên thực hiện công tác bán trú.

đ). Dịch vụ dọn vệ sinh: 90.000/năm/học sinh

Chi phí thực tế của Dịch vụ dọn vệ sinh gồm toàn bộ các chi phí tạo nên Dịch vụ dọn vệ sinh.

(2). Các khoản vận động, tài trợ (Trên tinh thần tự nguyện của các tổ chức, cá nhân)

Vận động hỗ trợ hoạt động giáo dục: 98.000.000đ

- Chi hỗ trợ cho các hoạt động tổ chức các ngày lễ lớn trong năm học như:

Khai giảng, sơ kết, tổng kết năm học.

- Chi tổ chức các hoạt động trải nghiệm, thăm quan

- Chi hội thi Bé khỏe - Bé ngoan cấp trường: Bằng giải, thưởng học sinh.

- Tham gia hội thi, giao lưu.

- Chi mua sắm hàng hóa trang trí phục vụ hoạt động trải nghiệm của trẻ

- Khen thưởng học sinh, giấy khen cuối năm

4. Hoạt động xã hội

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với ban đại diện cha mẹ học sinh, các đoàn thể, phổ biến trong công tác tuyên truyền vận động trẻ ra lớp, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần

Thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về phát triển GDMN trên địa bàn;

Duy trì các hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh, công khai dân chủ, phối hợp thực hiện có hiệu quả;

Phối hợp tham gia các hoạt động của địa phương theo quy định.

Điều II. Trách nhiệm của Nhà trường - Viên chức.

1. Trách nhiệm của Viên chức quản lý

Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch cụ thể cho từng tổ CM; kiểm tra các bộ phận thực hiện theo chương trình, kế hoạch và giải quyết những phát sinh mới trong quá trình tổ chức thực hiện. Tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ - viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tiếp tục tổ chức, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách tiền lương, tiền thưởng, thực hiện công khai tài chính trước tập thể đơn vị, tạo điều kiện để Ban Thanh tra Nhân dân của đơn vị hoạt động theo pháp luật và bảo đảm cho Công đoàn thực hiện quyền kiểm tra theo Luật Công Đoàn hiện hành. Phối hợp cùng Ban chấp hành Công đoàn, mỗi học kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Quy chế dân chủ nhà trường

và Nghị quyết Hội nghị Viên chức, người lao động của đơn vị và định ra kế hoạch tiếp tục thực hiện.

2. Trách nhiệm của viên chức, người lao động

Tiếp tục xây dựng sự đoàn kết trong cơ quan, phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công trên cương vị công tác của mình, góp phần xây dựng đơn vị phát triển. Chấp hành đầy đủ mọi chính sách, pháp luật, quy định của Nhà nước và nội quy, quy định của nhà trường, của ngành. Có tác phong giao tiếp đúng mực, tinh thần trách nhiệm trong công tác, giữ vững kỷ cương nề nếp, đảm bảo ngày giờ công. Nâng cao tính chủ động, tinh thần tự học, tự rèn luyện, giữ gìn và bảo vệ tài sản chung. Tích cực phản ánh kịp thời tình hình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị và đóng góp ý kiến trên tinh thần xây dựng đúng nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn.

Điều III. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành cho đến khi có Nghị quyết Hội đồng trường năm học tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Chi bộ nhà trường;
- Thành viên HĐT;
- CBGV, NV (thực hiện);
- Lưu: VT, HSHĐT.

**T/M. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Phúc